

Số: 620/2019/BC-SHS

Hà Nội, ngày 01 tháng 07 năm 2019

**BÁO CÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN
GIAO DỊCH KÝ QUỸ**

Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội xin báo cáo Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh Danh mục chứng khoán HSX thực hiện giao dịch ký quỹ tại SHS tháng 06/2019 như sau:

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
1	AAA	VNL	HVH	AAA
2	ABT		TDM	ABT
3	ACC			ACC
4	ADS			ADS
5	ANV			ANV
6	APC			APC
7	APG			APG
8	ASM			ASM
9	ASP			ASP
10	AST			AST
11	BBC			BBC
12	BCE			BCE
13	BFC			BFC
14	BIC			BIC
15	BID			BID
16	BMC			BMC
17	BMI			BMI
18	BMP			BMP
19	BRC			BRC
20	BSI			BSI
21	BTP			BTP
22	BTT			BTT
23	BVH			BVH

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
24	BWE			BWE
25	C32			C32
26	CAV			CAV
27	CDC			CDC
28	CEE			CEE
29	CHP			CHP
30	CII			CII
31	CLC			CLC
32	CLL			CLL
33	CMG			CMG
34	CNG			CNG
35	COM			COM
36	CRC			CRC
37	CSM			CSM
38	CSV			CSV
39	CTD			CTD
40	CTG			CTG
41	CTI			CTI
42	CTS			CTS
43	CVT			CVT
44	D2D			D2D
45	DAH			DAH
46	DBD			DBD
47	DCL			DCL
48	DCM			DCM
49	DGW			DGW
50	DHA			DHA
51	DHC			DHC
52	DHG			DHG
53	DHM			DHM
54	DIC			DIC
55	DIG			DIG
56	DLG			DLG
57	DMC			DMC
58	DPG			DPG
59	DPM			DPM
60	DPR			DPR
61	DQC			DQC

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
62	DRC			DRC
63	DRH			DRH
64	DRL			DRL
65	DSN			DSN
66	DTA			DTA
67	DVP			DVP
68	DXG			DXG
69	EIB			EIB
70	ELC			ELC
71	EVE			EVE
72	EVG			EVG
73	FCM			FCM
74	FCN			FCN
75	FIT			FIT
76	FLC			FLC
77	FMC			FMC
78	FPT			FPT
79	FRT			FRT
80	FTM			FTM
81	FTS			FTS
82	GAS			GAS
83	GDT			GDT
84	GEX			GEX
85	GMC			GMC
86	GMD			GMD
87	GSP			GSP
88	GTN			GTN
89	HAH			HAH
90	HAP			HAP
91	HAR			HAR
92	HAX			HAX
93	HBC			HBC
94	HCD			HCD
95	HCM			HCM
96	HDB			HDB
97	HDC			HDC
98	HDG			HDG
99	HHS			HHS

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
100	HII			HII
101	HPG			HPG
102	HPX			HPX
103	HQC			HQC
104	HSG			HSG
105	HSL			HSL
106	HT1			HT1
107	HTI			HTI
108	HTL			HTL
109	HTV			HTV
110	HU3			HU3
111	IBC			HVH
112	IDI			IBC
113	IJC			IDI
114	IMP			IJC
115	ITA			IMP
116	ITC			ITA
117	ITD			ITC
118	KBC			ITD
119	KDC			KBC
120	KDH			KDC
121	KHP			KDH
122	KMR			KHP
123	KSB			KMR
124	L10			KSB
125	LBM			L10
126	LCG			LBM
127	LDG			LCG
128	LGC			LDG
129	LGL			LGC
130	LHG			LGL
131	LIX			LHG
132	LM8			LIX
133	LMH			LM8
134	MBB			LMH
135	MCP			MBB
136	MDG			MCP
137	MHC			MDG

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
138	MSH			MHC
139	MSN			MSH
140	MWG			MSN
141	NAF			MWG
142	NBB			NAF
143	NKG			NBB
144	NLG			NKG
145	NNC			NLG
146	NSC			NNC
147	NT2			NSC
148	NTL			NT2
149	NVL			NTL
150	OPC			NVL
151	PAC			OPC
152	PAN			PAC
153	PC1			PAN
154	PDN			PC1
155	PDR			PDN
156	PET			PDR
157	PGC			PET
158	PGD			PGC
159	PGI			PGD
160	PHR			PGI
161	PJT			PHR
162	PLP			PJT
163	PLX			PLP
164	PME			PLX
165	PNJ			PME
166	POM			PNJ
167	PPC			POM
168	PTB			PPC
169	PVD			PTB
170	PVT			PVD
171	QBS			PVT
172	RAL			QBS
173	RDP			RAL
174	REE			RDP
175	ROS			REE

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
176	S4A			ROS
177	SAB			S4A
178	SAM			SAB
179	SBA			SAM
180	SBT			SBA
181	SC5			SBT
182	SCD			SC5
183	SCR			SCD
184	SCS			SCR
185	SFC			SCS
186	SFG			SFC
187	SFI			SFG
188	SHA			SFI
189	SHI			SHA
190	SHP			SHI
191	SII			SHP
192	SJD			SII
193	SJF			SJD
194	SJS			SJF
195	SKG			SJS
196	SMB			SKG
197	SMC			SMB
198	SPM			SMC
199	SRC			SPM
200	SRF			SRC
201	SSC			SRF
202	SSI			SSC
203	ST8			SSI
204	STB			ST8
205	STG			STB
206	STK			STG
207	SVC			STK
208	SVI			SVC
209	SZL			SVI
210	TAC			SZL
211	TBC			TAC
212	TCB			TBC
213	TCD			TCB

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
214	TCH			TCD
215	TCL			TCH
216	TCM			TCL
217	TCO			TCM
218	TCT			TCO
219	TDC			TCT
220	TDG			TDC
221	TDH			TDG
222	TDW			TDH
223	TEG			TDM
224	THG			TDW
225	THI			TEG
226	TIP			THG
227	TLD			THI
228	TLH			TIP
229	TMP			TLD
230	TMS			TLH
231	TMT			TMP
232	TNA			TMS
233	TNC			TMT
234	TNI			TNA
235	TPB			TNC
236	TPC			TNI
237	TRA			TPB
238	TRC			TPC
239	TTB			TRA
240	TV2			TRC
241	TVS			TTB
242	TVT			TV2
243	TYA			TVS
244	UIC			TVT
245	VAF			TYA
246	VCB			UIC
247	VCI			VAF
248	VDP			VCB
249	VDS			VCI
250	VFG			VDP
251	VGC			VDS

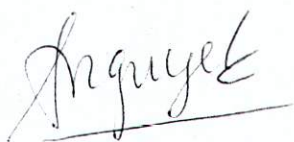
STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
252	VHC			VFG
253	VHM			VGC
254	VIC			VHC
255	VIP			VHM
256	VJC			VIC
257	VMD			VIP
258	VND			VJC
259	VNE			VMD
260	VNL			VND
261	VNM			VNE
262	VNS			VNM
263	VPB			VNS
264	VPH			VPB
265	VPI			VPH
266	VPS			VPI
267	VRC			VPS
268	VRE			VRC
269	VSC			VRE
270	VSI			VSC
271	VTO			VSI
272	YBM			VTO
273	YEG			YBM
274				YEG

Địa chỉ website đăng tải Danh mục chứng khoán HSX thực hiện giao dịch ký quỹ tại SHS tháng 06/2019 là <http://www.shs.com.vn>.

Chúng tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của báo cáo này.

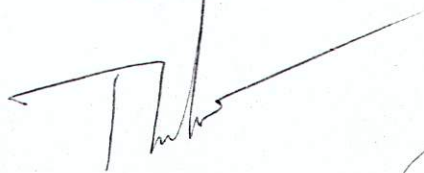
Kính báo cáo Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

Người lập



Đoàn Thị Ánh Nguyệt

Kiểm soát



Ngô Thế Hiện

TỔNG GIÁM ĐỐC



Vũ Đức Tiến